

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2018/DS-PT

Ngày: 29/8/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 tháng 7, ngày 27 tháng 7, ngày 22 tháng 8 và ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS - ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 178/2018/QĐ – PT ngày 18/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2018/QĐ-PT, ngày 11/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà T: Bà G, sinh năm 1957; Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bạch T1, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Lê Văn H, sinh năm 1990, địa chỉ: phường S, TP C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án.

(Có mặt bà G, ông H. Riêng bà T có mặt phiên tòa ngày 22/8/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T là bà G trình bày: Ngày 12/3/2016 (âl) bà T có cho bà T1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Trả bằng hình thức trả góp, mục đích kinh doanh, bà T1 có đưa cho bà T giấy chứng nhận QSDĐ do bà T1 đứng tên để làm tài sản thế chấp, hai bên có làm biên nhận là giấy mượn tiền có chữ ký của bà T và bà T1. Đến tháng 4/2017 bà T1 chỉ trả cho bà T được tổng số tiền vốn vay là 20.800.000 đồng. Bà T xuống tận nhà của bà T1 để lấy và bà T1 giao trả tiền cho bà T, việc trả tiền nhiều lần có ghi vào sổ theo dõi của bà T, vì bà T1 không yêu cầu nên bà T không có giao biên nhận cho bà T1. Từ tháng 4/2017 đến nay thì bà T1 không có trả tiền cho bà T nữa.

Nay bà G đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền vốn vay 79.200.000 đồng và 20.544.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng 99.744.500 đồng.

Bà T biết bà H1 là con gái của bà T1 nhưng không yêu cầu đưa bà H1 tham gia tố tụng trong vụ án, chỉ yêu cầu bà T1 trả tiền. Bà T xác nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bà T1 ký trước mặt bà T. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 thì bà T đồng ý trả cho bà T1 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Bà T1 không có vay tiền của bà T. Sau khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án thì bà mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình bị mất và hiện do bà T đang giữ. Bà T1 không quen biết với bà T và cũng không hiểu vì sao bà T có và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Bà T1 cũng không có trả số tiền 20.800.000 đồng cho bà T. Ông H không xác định chữ ký trong giấy mượn tiền có phải của bà T1 không nhưng ông H không yêu cầu trưng cầu giám định. Ông H cũng không yêu cầu đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông H đại diện theo ủy quyền cho bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của bà T và yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình.

Tại bản án dân sự số 13/2018/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T. Bà Nguyễn Bạch T1 phải trả cho bà T tổng số tiền vốn vay và lãi là 99.744.500 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2018, ông Lê Văn H đại diện theo ủy quyền của bà T1, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C với nội dung:

- Đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà T1 và tuyên bố hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà T1 là vô hiệu;
- Yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án cấp sơ thẩm đã xử.
- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Ông Lê Văn H trình bày: Bà T1 ở huyện C còn bà T ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể quen bà T mà vay tiền bà T được, ngoài ra bà T1 không có kinh doanh gì nên cũng không cần phải vay số tiền lớn, nếu bà T1 có cần tiền thì có thể thế chấp vay ngân hàng cho lãi thấp, việc bà T1 vay tiền của bà T là không có và bà T1 cũng không có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, nếu có thì hợp đồng thế chấp này cũng không hợp pháp. Do đó bà T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà G trình bày: Căn cứ vào biên nhận nợ thì bà T1 đã ký tên vào biên nhận nợ và tại phiên tòa thì ông H cũng thừa nhận là bà T1 có ký tên vào biên nhận. Tuy hợp đồng thế chấp giữa bà T1 với bà T không hợp lệ nhưng là nhằm đảm bảo cho số tiền mà bà T1 vay của bà T. Bà T1 chỉ trả được cho bà T số tiền vốn vay 20.800.000đ chưa trả lãi nên không thể nói là bà T cho bà T1 vay với lãi suất cao. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T trình bày: Khoảng tháng 02/2016 bà T1 có gọi điện cho bà T hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng, kêu bà T đưa tiền cho bà H1 là con bà T1 nhận thay, hai bên không có làm biên nhận. Đến ngày 12/3/2016 thì bà T1 có đến hỏi vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng 2 lần vay là 100.000.000 đồng bà T có làm biên nhận cho bà T1 ký tại nhà bà T, đồng thời bà T1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 cho bà T giữ để làm tin. Do bà T chỉ cho một mình bà T1 vay tiền và người ký tên trong biên nhận với bà T chỉ có một mình bà T1 nên bà T chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 99.744.500 đồng. Bà T không yêu cầu bà H1 trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H1 tham gia tố tụng là thiếu tư cách đương sự do đó đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của ông Lê Văn H đại diện theo ủy quyền cho bà T1 về việc yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị T H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bạch T1 trả số tiền vay và lãi tổng cộng là 99.744.500 đồng, bà T không yêu cầu bà H1 trả nợ. Bà T1 cũng không có yêu cầu gì đối với bà H1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật. Trường hợp bà T1 có yêu cầu với bà H1 thì được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2] Xét việc ông H đại diện theo ủy quyền cho bà T1 không đồng ý trả số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 99.744.500 đồng theo yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ông H không xác định được chữ ký trong giấy mượn tiền có phải của bà T1 không nhưng ông H không yêu cầu trưng cầu giám định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà T1 điều này phù hợp với lời khai của bà T và bà H1 đều xác định chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà T1 nhưng ông H cho rằng khi bà T1 ký tên vào giấy mượn tiền thì bà không biết nội dung là gì do bà đã cao tuổi, mắt mờ và do bị bà H1 gạt là ký giấy để con bà H1 đi học ở TP Hồ Chí Minh. Lời trình bày này của ông H là không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời do bà T1 không có yêu cầu gì đối với bà H1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[3] Do bà T1 đã ký tên vào giấy mượn tiền với bà T nên bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 99.744.500 đồng theo yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 trả 99.744.500 đồng, trong đó tiền vốn vay là 79.200.000 đồng và tiền lãi là 20.544.500 đồng là phù hợp nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Đại diện viện kiểm sát đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận như nhận định đã nêu trên.

[6] Bà T1 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, do đó sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

[7] Bà T1 được miễn tiền án phí phúc thẩm do bà là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Bạch T1
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Đồng Tháp về phần án phí.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Bạch T1 phải trả cho bà Trần Thị Cẩm T tiền vốn vay là 79.200.000 đồng và tiền lãi là 20.544.500 đồng. Tổng cộng vốn vay và lãi là 99.744.500 đồng (chín mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bạch T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà T1 là người cao tuổi.

Bà Trần Thị Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03833 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Bạch T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Bạch T1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 04489 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2018)/.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Nước